

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP
SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 1 NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 64/TB-HĐKT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2025

V/v thông báo kết quả chấm phúc tra
Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư
đợt 1 năm 2025

Kính gửi: *Đoàn... luật sư các tỉnh, thành phố... thuộc TW*

Thực hiện Luật Luật sư, Thông tư số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư, Quyết định số 42/QĐ-LĐLSVN ngày 19/02/2025 của Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1 năm 2025, Hội đồng kiểm tra đã tổ chức Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1 năm 2025 vào các ngày 06, 07, 08/6/2025 tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh cho những người tập sự đủ điều kiện tham dự kiểm tra theo quy định.

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-HĐKT ngày 01/8/2025 của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1/2025 về việc phê duyệt kết quả phúc tra của 217 thí sinh đề nghị phúc tra 231 bài (khu vực phía Bắc), 306 thí sinh đề nghị phúc tra 331 bài (khu vực phía Nam); có 05 thí sinh đề nghị phúc tra sẽ được Hội đồng kiểm tra thông báo kết quả sau. Hội đồng kiểm tra thông báo cho các Đoàn Luật sư và người tập sự có đơn đề nghị phúc tra về điểm phúc tra, tổng hợp kết quả Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư sau khi chấm phúc tra (có danh sách kèm theo Thông báo này).

Đề nghị Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư thông báo kết quả chấm phúc tra cho từng người tập sự hành nghề luật sư trong danh sách kèm theo Thông báo này được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Cục Bổ trợ tư pháp – BTP;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố có thí sinh đề nghị phúc tra;
- Thường trực LĐLSVN;
- Các thành viên Hội đồng (để biết);
- Lưu: VPLĐLSVN, HĐKT.

TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
CHỦ TỊCH



L.S. TS Đỗ Ngọc Thịnh
CHỦ TỊCH
LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

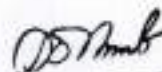
LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025

Phụ lục 3

**DANH SÁCH THÍ SINH PHỤC TRA HỘI ĐỒNG CÔNG BỐ ĐIỂM SAU
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 64/TB-HĐKT ngày 01 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1/2025)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh
1	Hoàng Thị	Linh	19/05/1995	Tp. HCM	0503
2	Lê Thùy	Như	06/10/1980	Tp. HCM	0704
3	Lê Đoàn Thu	Phương	02/02/1998	TP. Huế	0774
4	Ngô Ngọc	Trà	12/12/2000	TP. Hà Nội	649
5	Nguyễn Thị	Mai	02/11/1992	Thái Bình	424



LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025

Phụ lục 1



KẾT QUẢ PHỨC TRA
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025
KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 64/TB-HĐKT ngày 01 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1/2025)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
1	Nguyễn Ngọc Minh	Ấn	24/01/1997	TP. HCM	0007	45.25	79.5	72.5	50		ĐẠT
2	Võ Hoàng	Ấn	28/08/1995	TP. HCM	0008	42.5	75.25	57.5	46.25		KHÔNG ĐẠT
3	Đặng Văn	Ấn	23/06/1963	Tp. HCM	0009	28.75	59.25	52.5	35		KHÔNG ĐẠT
4	Đỗ Thị Minh	Anh	09/10/1998	TP. HCM	0013	33.7	63.75	52.5	40		KHÔNG ĐẠT
5	Lê Hoàng Tường	Anh	28/07/1996	TP. Hà Nội	0016	28	51.75	50	28.75		KHÔNG ĐẠT
6	Lê Tuấn	Anh	26/10/1987	Tp. HCM	0021	38	58.5	50	32.75		KHÔNG ĐẠT
7	Ngô Thị Tuyết	Anh	27/11/1994	Tp. HCM	0023	39	86.5	57.5	32		KHÔNG ĐẠT
8	Nguyễn Dư Ngọc	Anh	01/12/1999	TP. HCM	0024	31.75	76.25	50	32		KHÔNG ĐẠT
9	Nguyễn Hồng	Anh	13/09/1977	Ninh Thuận	0028	42.25	78.25	62.5	39.5		KHÔNG ĐẠT
10	Nguyễn Hữu	Anh	05/02/1985	TP. HCM	0029	46.5	58	55	40.75		KHÔNG ĐẠT
11	Nguyễn Ngọc	Anh	04/08/1984	Tp. HCM	0032	41.25	62	72.5	27.75		KHÔNG ĐẠT
12	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/07/1997	Đà Nẵng	0035	38.25	42.75	77.5	28	41	KHÔNG ĐẠT
13	Nguyễn Thị Tường	Anh	02/02/1995	Tp. HCM	0038	41.25	66.25	67.5	29		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
14	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/03/1980	Đồng Nai	0039	37.75	50	77.5	50		ĐẠT
15	Võ Phúc	Anh	24/02/1991	Bình Phước	0053	38.25	76.5	60	42.5		KHÔNG ĐẠT
16	Vũ Tuấn	Anh	17/01/1994	Tp. HCM	0055	41	58.75	65	24		KHÔNG ĐẠT
17	Bùi Ngọc Nguyên	Bình	22/07/1999	Bình Thuận	0070	47.75	64	62.5	50		ĐẠT
18	Đỗ Thanh	Bình	23/05/1997	TP. HCM	0071	53.75	42	60		45.5	KHÔNG ĐẠT
19	Lê Văn	Bình	01/09/1996	Bình Dương	0073	35.25	82.5	62.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
20	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	27/01/1986	TP. HCM	0079	45.25	69.75	50	44		KHÔNG ĐẠT
21	Nguyễn Minh	Cảnh	12/05/1998	Tp. HCM	0082	45.5	64	68.5	41		KHÔNG ĐẠT
22	Huỳnh Thị Kim	Chi	05/01/1991	TP. HCM	0088	57.25	42	57.5		43.25	KHÔNG ĐẠT
23	Đoàn Công	Chính	29/08/1994	TP. HCM	0094	35.5	63.25	80	42.25		KHÔNG ĐẠT
24	Lê Văn	Chính	16/11/1989	TP. HCM	0095	52.5	43.75	71		54	ĐẠT
25	Nguyễn Văn	Chương	21/03/1990	Khánh Hòa	0104	36.25	54.25	50	50		ĐẠT
26	Nguyễn Minh	Công	05/02/1979	Đồng Nai	0108	41.75	75.5	61.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
27	Đoàn Mỹ	Cúc	26/02/1999	TP. HCM	0110	40.75	77	79	50		ĐẠT
28	Nguyễn Chí	Cường	18/12/1977	Tp. HCM	0116	28.5	42.75	71	33.25	36.5	KHÔNG ĐẠT
29	Nguyễn Hùng	Cường	09/10/1965	Cà Mau	0118	39.5	54	75.5	25.75		KHÔNG ĐẠT
30	Lê Thanh	Đặng	16/09/1987	Cà Mau	0131	40.5	61.25	50	42.25		KHÔNG ĐẠT
31	Trần Thị Ánh	Đào	08/04/1980	Tp. HCM	0132	55	43	60		40.25	KHÔNG ĐẠT
32	Trịnh Thị	Đào	14/08/1986	TP. HCM	0133	39.5	52.5	52.5	29.75		KHÔNG ĐẠT
33	Đỗ Thành	Đạt	17/12/1999	TP. HCM	0135	33.75	56.25	57.5	32		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
34	Lê Quang	Đạt	08/01/1998	Tp. HCM	0137	42.25	67	77.5	43.75		KHÔNG ĐẠT
35	Trần Tấn	Đạt	02/07/1996	Cần Thơ	0142	32.5	63.5	50	39.25		KHÔNG ĐẠT
36	Nguyễn Thị Thúy	Điểm	15/01/1974	Tiền Giang	0148	62.75	46	60		37	KHÔNG ĐẠT
37	Hồ Thúy	Điểm	27/07/1995	Bình Dương	0155	41.5	81.5	60	35.5		KHÔNG ĐẠT
38	Nguyễn Ngọc	Điểm	24/10/1989	Cần Thơ	0156	38.25	60.25	65	36.25		KHÔNG ĐẠT
39	Võ Hiền	Đức	02/05/1999	TP. HCM	0171	24	88	50	16.25		KHÔNG ĐẠT
40	Phạm Thị Thùy	Dung	22/09/1997	TP. HCM	0179	41.5	69	50	41.5		KHÔNG ĐẠT
41	Trần Nguyễn Phương	Dung	15/09/1987	Tp. HCM	0180	46.5	54.5	50	41.5		KHÔNG ĐẠT
42	Đào Văn	Dũng	29/02/1992	TP. HCM	0183	37.75	52.5	74.5	44.75		KHÔNG ĐẠT
43	Lê Minh Bảo	Dũng	30/04/1994	TP. HCM	0185	44.5	41.75	58.5	34.25	45.5	KHÔNG ĐẠT
44	Trần Việt	Dũng	25/08/1989	TP. HCM	0191	31.875	67.5	72	39		KHÔNG ĐẠT
45	Kim Ngọc	Dương	28/11/1998	Đồng Nai	0197	45.25	74	67	46.75		KHÔNG ĐẠT
46	Lê Thị Thùy	Dương	21/10/1964	An Giang	0198	38.5	53	56	39.5		KHÔNG ĐẠT
47	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	19/03/1998	Tp. HCM	0201	38	57.5	64	36.25		KHÔNG ĐẠT
48	Phan Trần Đăng	Duy	16/01/1996	Tp. HCM	0215	35.75	50.5	60	33.25		KHÔNG ĐẠT
49	Trần Phước	Duy	26/04/1997	TP. HCM	0216	41.25	62.5	67.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
50	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	19/01/1997	TP. HCM	0219	40.25	87.5	62.5	37		KHÔNG ĐẠT
51	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	02/02/1999	Tp. HCM	0226	43	77.25	65	33.5		KHÔNG ĐẠT
52	Nguyễn Văn	E	08/03/1968	Cần Thơ	0229	39	59	72.5	42.75		KHÔNG ĐẠT
53	Trần Hoàng	Gia	16/06/1997	TP. HCM	0232	36	65	67.5	38.75		KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
54	Trần Bảo	Giang	05/02/1985	Đồng Nai	0239	43	75.5	77.5	40		KHÔNG ĐẠT
55	Võ Đông	Giang	19/05/1975	Tây Ninh	0243	40.25	48.5	51.5	26.75	44.625	KHÔNG ĐẠT
56	Từ Ngọc	Giáp	01/08/1979	TP. HCM	0246	26.5	50.25	61.5	24		KHÔNG ĐẠT
57	Nguyễn Thanh	Giàu	27/06/1997	Tp. HCM	0248	44.5	86.75	60	40.25		KHÔNG ĐẠT
58	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980	TP. HCM	0249	29.5	76.5	76	32.25		KHÔNG ĐẠT
59	Đặng Văn	Hà	05/05/1986	Tp. HCM	0252	40.5	59	70.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
60	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/09/1999	Tp. HCM	0258	43.75	80.5	70.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
61	Quách Mạnh	Hà	26/02/1981	Tây Ninh	0262	34.75	65.5	65	34.75		KHÔNG ĐẠT
62	Phạm Phú	Hải	15/03/1979	Quảng Trị	0277	36.25	50.5	52.5	30.75		KHÔNG ĐẠT
63	Phạm Văn	Hải	02/11/1978	Tp. HCM	0278	37.75	58.5	72.5	31.75		KHÔNG ĐẠT
64	Trịnh Quốc	Hải	16/05/1985	Bình Dương	0281	39.5	65.75	65	48.75		KHÔNG ĐẠT
65	Bùi Thị Ngọc	Hân	22/03/1994	TP. HCM	0282	41.5	80	65	37.25		KHÔNG ĐẠT
66	Hồ Thị Thanh	Hằng	08/06/1999	TP. HCM	0288	75	42.5	65		44.5	KHÔNG ĐẠT
67	Nguyễn Thị Minh	Hằng	16/04/1994	TP. HCM	0291	46.75	78	72	51.25		ĐẠT
68	Nguyễn Vũ Cẩm	Hằng	07/09/1991	TP. HCM	0293	41.75	76.5	70	43		KHÔNG ĐẠT
69	Trần Thị Mỹ	Hằng	02/11/1999	Tp. HCM	0297	38	77	75	42.25		KHÔNG ĐẠT
70	Nguyễn Thị	Hào	10/12/1995	TP. HCM	0309	61	44.25	61		52.5	ĐẠT
71	Huỳnh Ngọc	Hậu	05/12/1971	Cà Mau	0311	54	37	50		41.75	KHÔNG ĐẠT
72	Nguyễn Duy	Hậu	23/04/1984	Bình Thuận	0313	44	65.5	50	50		ĐẠT
73	Phan Dương Thục	Hiền	11/03/1999	TP. HCM	0324	29	57	57.5	45		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
74	Đặng Minh	Hiệp	25/03/1982	Bình Thuận	0328	27.25	62.25	50	25.5		KHÔNG ĐẠT
75	Thân Xuân	Hiệp	20/11/1976	Đồng Nai	0330	43.25	72.75	50	50		ĐẠT
76	Trần Minh	Hiếu	19/08/1995	Kiên Giang	0334	42.5	73	52.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
77	Danh Minh	Hòa	11/03/1993	Tp. HCM	0338	40.25	57.25	62.5	52		ĐẠT
78	Nguyễn Tấn	Hòa	20/10/1976	Quảng Ngãi	0340	59.75	41.25	52.5		38.5	KHÔNG ĐẠT
79	Nguyễn Thị	Hòa	14/05/1979	TP. HCM	0341	41.25	52	52.5	39		KHÔNG ĐẠT
80	Phan Thị Ái	Hòa	08/05/1975	Tp. HCM	0342	42	51.5	60	37.25		KHÔNG ĐẠT
81	Lê Thanh	Hoàng	28/02/1995	Quảng Trị	0351	39.25	76.5	72.5	27.25		KHÔNG ĐẠT
82	Vô Thị	Hồng	16/09/1998	Tp. HCM	0370	39.5	74.75	70	38.25		KHÔNG ĐẠT
83	Hoàng Mạnh	Hùng	16/10/1976	Tp. HCM	0376	39.5	52.75	50	42.5		KHÔNG ĐẠT
84	Hồng	Hùng	09/07/1953	Đồng Nai	0377	32.75	64	77.5	21.25		KHÔNG ĐẠT
85	Lê Văn	Hùng	10/09/1979	TP. HCM	0378	50.25	39	52.5		42	KHÔNG ĐẠT
86	Lương Mạnh	Hùng	24/09/1985	Tp. HCM	0379	40.5	53.5	50	30		KHÔNG ĐẠT
87	Nguyễn Hoàng	Hùng	07/08/1984	TP. HCM	0380	51.375	44	80		51.75	ĐẠT
88	Bùi Văn	Hưng	20/01/1997	TP. HCM	0383	46.75	72.25	77.5	50		ĐẠT
89	Vương Thị	Hường	01/01/1984	TP. HCM	0402	39.5	75	60	50		ĐẠT
90	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	11/03/1999	TP. HCM	0409	40.25	66	57	38.75		KHÔNG ĐẠT
91	Phạm Đức	Huy	22/12/1976	TP. HCM	0412	45.75	60.75	50.5	33.5		KHÔNG ĐẠT
92	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/08/1997	Tp. HCM	0423	41.75	56.5	57.5	35		KHÔNG ĐẠT
93	Phạm Ngọc Thanh	Huyền	18/04/1985	Tp. HCM	0425	39.5	58.25	50	45.25		KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
94	Trần Huỳnh Ngọc	Huyền	03/02/1999	TP. HCM	0427	45.5	79.5	72.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
95	Trần Định	Khải	08/01/1997	Bình Định	0437	52	38	57.5		47	KHÔNG ĐẠT
96	Trần Thanh	Khải	01/12/1989	Kiên Giang	0438	35.75	39.5	52.5	20	44	KHÔNG ĐẠT
97	Thái Thúc Trần	Khang	07/07/1995	TP. HCM	0442	37	66.5	62.5	36.25		KHÔNG ĐẠT
98	Huỳnh Công	Khanh	28/07/1995	TP. HCM	0443	38.5	52	58.5	33.25		KHÔNG ĐẠT
99	Nguyễn Duy	Khánh	25/12/1989	Đồng Nai	0445	32.75	70.5	57.5	25.5		KHÔNG ĐẠT
100	Nguyễn Mỹ	Khánh	06/09/1994	TP. HCM	0448	40.75	77.25	63.5	46		KHÔNG ĐẠT
101	Lâm Chinh	Khẩu	06/11/1985	Tp. HCM	0452	32.25	56.5	56.5	35		KHÔNG ĐẠT
102	Đỗ Phương	Khoa	23/03/1999	TP. HCM	0455	43.75	62	61	46		KHÔNG ĐẠT
103	Nguyễn Đăng	Khoa	04/10/1999	TP. HCM	0457	40.75	70.5	63.5	34.5		KHÔNG ĐẠT
104	Nguyễn Đình	Khoa	21/08/1999	TP. HCM	0458	34.25	67.25	60.5	32.75		KHÔNG ĐẠT
105	Trần Tấn	Khoa	12/07/1994	Tp. HCM	0465	41.25	63.25	59	34.25		KHÔNG ĐẠT
106	Quách Thụy Anh	Khuê	18/12/1997	TP. HCM	0469	34.5	59.75	80	29.25		KHÔNG ĐẠT
107	Trần Gia	Khuong	24/08/1999	TP. HCM	0471	39.5	77.25	52.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
108	Trần Thị Ninh	Kiều	02/06/1983	Đồng Nai	0479	45.75	42	62.5	48.5	41	KHÔNG ĐẠT
109	Nguyễn Thị	Kim	01/09/1995	TP. Huế	0481	34.25	53	67.5	45.75		KHÔNG ĐẠT
110	Đoàn Thị Kim	Lâm	24/10/1992	TP. HCM	0484	37.25	62.75	57.5	43.5		KHÔNG ĐẠT
111	Nguyễn Kim	Lâm	29/01/1985	TP. HCM	0486	44.75	66	62.5	45.5		KHÔNG ĐẠT
112	Lê Thị	Lệ	25/03/1990	TP. HCM	0492	36.75	65.5	67.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
113	Trần Thị Bích	Liên	25/10/1990	Bình Dương	0499	31.75	42.75	50	38	46.75	KHÔNG ĐẠT

Đ. N. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
114	Lê Hồng Thảo	Linh	27/05/1995	Khánh Hòa	0504	33	74.25	62.5	23.5		KHÔNG ĐẠT
115	Nguyễn Thị Kiều	Linh	10/09/1996	TP. HCM	0508	40.75	65.75	70	46.5		KHÔNG ĐẠT
116	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/10/1996	Đà Nẵng	0510	43.25	90.5	70	43.75		KHÔNG ĐẠT
117	Lê Thị Li	Loan	22/09/1999	Đà Nẵng	0517	38	80.5	62.5	45.25		KHÔNG ĐẠT
118	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	20/11/1999	TP. HCM	0518	48	60.5	52.5	49		KHÔNG ĐẠT
119	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	10/08/1991	TP. HCM	0519	43.5	61	55	50		ĐẠT
120	Trần Thiện Như	Loan	06/11/1978	TP. HCM	0521	41.75	64.5	50	39.25		KHÔNG ĐẠT
121	Phạm Xuân	Lộc	25/04/1983	TP. HCM	0528	44.5	53.5	67.5	45.25		KHÔNG ĐẠT
122	Lâm Thanh	Long	22/10/1979	Cà Mau	0536	28	52	50	23.5		KHÔNG ĐẠT
123	Đặng Thị Xuân	Mai	22/12/1994	Bình Phước	0559	33	55	58.75	26		KHÔNG ĐẠT
124	Bùi Thị	Mẫn	06/01/1985	Tp. HCM	0572	41.5	58	50	37.75		KHÔNG ĐẠT
125	Nguyễn Tất	Mạnh	11/10/1978	Lâm Đồng	0576	34.25	69.75	60	17.5		KHÔNG ĐẠT
126	Nguyễn Thị Diệu	Minh	17/06/1989	TP. Huế	0584	34.25	63	72.5	31.25		KHÔNG ĐẠT
127	Phan Quang	Minh	23/10/1996	Tp. HCM	0589	44.75	62	60	43.25		KHÔNG ĐẠT
128	Trần Hoàng	Minh	20/11/1991	Cần Thơ	0592	44.25	60.75	60	40.75		KHÔNG ĐẠT
129	Trần Lê	Minh	20/04/1998	Đồng Nai	0593	43.75	73.5	55	51.25		ĐẠT
130	Trần Quang	Minh	02/11/1977	TP. HCM	0595	38	54.75	60	31.75		KHÔNG ĐẠT
131	Cao Xuân	Mùi	15/09/1979	TP. HCM	0596	44.75	68.25	55	51		ĐẠT
132	Trần Thị Thanh	Mỹ	06/07/1984	TP. HCM	0615	57	37.5	57.5		42	KHÔNG ĐẠT
133	Đoàn Văn	Nam	02/05/1971	TP. HCM	0617	52	45.125	52.5		41.5	KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
134	Lê Hoàng	Nam	03/06/1993	TP. HCM	0619	43.25	78.5	57.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
135	Lê Trần Minh	Ngân	21/11/1997	Tp. HCM	0628	45.25	71.75	67.5	31.5		KHÔNG ĐẠT
136	Nguyễn Thái Phương	Ngân	21/07/1998	TP. HCM	0631	42.25	83	53.5	54		ĐẠT
137	Nguyễn Thanh	Ngân	02/02/1998	TP. HCM	0632	44.5	83.5	55	41.75		KHÔNG ĐẠT
138	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	19/10/1998	TP. HCM	0633	46	78.75	59	48.75		KHÔNG ĐẠT
139	Trần Bảo	Ngân	27/04/1998	TP. HCM	0636	47.5	78	58	50		ĐẠT
140	Lê Phùng Bảo	Ngọc	09/05/1997	Tp. HCM	0649	42.25	40.25	57.5	43.75	46.5	KHÔNG ĐẠT
141	Trần Thị Ánh	Ngọc	20/05/1997	TP. HCM	0658	33.75	71.5	60	42.5		KHÔNG ĐẠT
142	Trần Thụy Bích	Ngọc	02/04/1977	TP. HCM	0660	40.25	66.25	50	29.5		KHÔNG ĐẠT
143	Lý Hồng	Nguyên	17/06/1985	Tp. HCM	0668	44.25	71.5	50	42.5		KHÔNG ĐẠT
144	Nguyễn Thị	Nhiên	21/01/1990	Cần Thơ	0699	36.75	69.5	57.5	34		KHÔNG ĐẠT
145	Nguyễn Hồng Tố	Như	06/05/1988	TP. HCM	0705	36	54.5	55	35		KHÔNG ĐẠT
146	Lê Thị Hồng	Nhung	27/01/1995	Tp. HCM	0713	33.25	56.5	60	47.25		KHÔNG ĐẠT
147	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/05/1995	TP. HCM	0714	44.25	83.5	57.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
148	Trần Trang	Nhung	12/12/1989	TP. HCM	0716	41.25	68.5	60	49		KHÔNG ĐẠT
149	Nguyễn Đào Duy	Nhật	03/02/1995	TP. HCM	0718	33.75	83	55	39.5		KHÔNG ĐẠT
150	Đặng Văn	Ninh	16/08/1984	Tp. HCM	0722	44	76	50	50		ĐẠT
151	Đỗ Hoàng	Oanh	02/03/1984	Bình Dương	0726	33.5	54.5	55	26.25		KHÔNG ĐẠT
152	Nguyễn Thị	Oanh	18/08/1997	TP. HCM	0729	45.5	88.25	62.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
153	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	01/08/1992	Bình Thuận	0730	24.25	47.75	50	36	44.25	KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
154	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	08/07/1965	Cần Thơ	0732	27.25	46.75	60	23.5	44.75	KHÔNG ĐẠT
155	Huỳnh Tấn	Phát	12/12/1990	TP. HCM	0737	37	65.5	52.5	39.75		KHÔNG ĐẠT
156	Hồ Văn	Phong	20/11/1964	Tp. HCM	0741	40.25	70.75	70	42.75		KHÔNG ĐẠT
157	Kim Điền	Phong	15/07/1993	Hậu Giang	0742	38.25	50.25	60	50		ĐẠT
158	Lý Hồng	Phước	14/07/1967	Cần Thơ	0757	43.25	44.75	50	38.5	43	KHÔNG ĐẠT
159	Văn Hữu	Phước	03/07/1982	Tp. HCM	0759	35.75	55.5	57.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
160	Đỗ Thị	Phương	26/01/1991	TP. HCM	0765	45	73	55	37.5		KHÔNG ĐẠT
161	Khổng Liên	Phương	08/01/1983	Cần Thơ	0770	40	58	52.5	43.25		KHÔNG ĐẠT
162	Lê Đình Quốc	Phương	01/08/1980	Quảng Ngãi	0773	40	31	65	34.5	40	KHÔNG ĐẠT
163	Lê Thị Thu	Phương	14/04/2000	Đà Nẵng	0778	47.5	76.5	77.5	45.5		KHÔNG ĐẠT
164	Nguyễn Hồng	Phương	23/12/1998	Tp. HCM	0780	40.5	75.5	72.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
165	Nguyễn Thoại Yến	Phương	11/09/1996	Tp. HCM	0787	38.5	51	50	40.25		KHÔNG ĐẠT
166	Phạm Huỳnh Hoài	Phương	04/09/1984	Kiên Giang	0789	48.75	59.25	65	37.5		KHÔNG ĐẠT
167	Nguyễn Hồng	Quân	06/06/1994	TP. HCM	0798	40.75	83.5	50	38.25		KHÔNG ĐẠT
168	Vô Hoàng	Quân	30/06/1991	Phú Yên	0801	40.75	54	55	43.75		KHÔNG ĐẠT
169	Đình Hoàng Phú	Quang	16/09/1983	Tp. HCM	0803	52.25	44	60		44	KHÔNG ĐẠT
170	Lê Minh	Quang	22/01/1983	Vĩnh Long	0805	44.5	65	75	38.75		KHÔNG ĐẠT
171	Nguyễn Nhật	Quang	05/06/1997	Tp. HCM	0807	34	68.25	50	30.5		KHÔNG ĐẠT
172	Nguyễn Vĩnh	Quốc	14/02/1975	TP. HCM	0810	46.25	43.5	55	50	43.75	KHÔNG ĐẠT
173	Văn Đình	Quốc	22/04/1993	Tp. HCM	0812	31.5	57.5	50	32.75		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
174	Võ Thụy Tam	Quy	08/11/1976	TP. HCM	0813	57.5	42	50		37	KHÔNG ĐẠT
175	Nguyễn Thị Xuân	Quý	10/09/1986	TP. HCM	0815	22.5	57.5	60	32.5		KHÔNG ĐẠT
176	Nguyễn Trọng	Quyển	11/04/1983	Bến Tre	0821	37.25	56.5	60	44.25		KHÔNG ĐẠT
177	Đinh Thị Ngân	Quỳnh	09/06/1995	TP. HCM	0825	48.75	71.5	72.5	44.25		KHÔNG ĐẠT
178	Lê Như	Quỳnh	13/05/1997	TP. HCM	0827	18.75	36.5	50	16.75	35.25	KHÔNG ĐẠT
179	Đỗ Thanh	Sang	23/12/1982	TP. HCM	0839	42.25	53.75	57.5	34		KHÔNG ĐẠT
180	Nguyễn Đình Quốc	Sang	05/11/1995	Tp. HCM	0842	43	76	60	45		KHÔNG ĐẠT
181	Nguyễn Thị	Sen	10/11/1983	Bình Phước	0844	43.75	38.75	50	35.75	47	KHÔNG ĐẠT
182	Phạm Tiến	Si	28/08/1996	Cần Thơ	0845	37	66	65	40		KHÔNG ĐẠT
183	Nguyễn Hồng	Son	19/02/1997	Kon Tum	0851	40.5	90.5	70	42.75		KHÔNG ĐẠT
184	Dương Lê	Tài	16/10/1987	TP. Hà Nội	0865	69	42	50		47	KHÔNG ĐẠT
185	Đỗ Huỳnh Thanh	Tâm	20/11/1987	TP. HCM	0873	28	38.5	57	31	39.5	KHÔNG ĐẠT
186	Huỳnh Ngọc Thanh	Tâm	22/03/1984	Tp. HCM	0876	39.5	55.25	66	50.25		ĐẠT
187	Lê Công Thành	Tâm	26/11/1992	Đắk Lắk	0877	52.75	36.5	57		46	KHÔNG ĐẠT
188	Nguyễn Đặng Phương	Tâm	18/04/1973	Bình Định	0878	39.25	54	63	25.5		KHÔNG ĐẠT
189	Tô Võ Yến	Tâm	10/08/1999	TP. HCM	0881	35.5	57.5	86	41.5		KHÔNG ĐẠT
190	Trần Minh	Tâm	10/01/1989	Kiên Giang	0882	50	30	63		33.75	KHÔNG ĐẠT
191	Bùi Ngọc	Tân	10/08/1986	BR-VT	0883	43.25	73.25	84	38.75		KHÔNG ĐẠT
192	Lâm Ngọc	Tân	10/08/1992	Kiên Giang	0885	41.25	60	59	43		KHÔNG ĐẠT
193	Phạm Minh	Tân	24/04/1992	TP. HCM	0887	41.25	50.5	55	37.75		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
194	Lê Văn	Tấn	24/04/1988	Vĩnh Long	0889	37.5	67.5	57	36.75		KHÔNG ĐẠT
195	Trần Quốc	Thái	20/01/1995	TP. HCM	0894	43.25	88.25	83	45.75		KHÔNG ĐẠT
196	Trần Văn	Thái	16/08/1990	TP. HCM	0895	38.5	61.5	59	45		KHÔNG ĐẠT
197	Nguyễn Văn	Thâm	05/11/1959	Long An	0896	55	24.5	50.5		18	KHÔNG ĐẠT
198	Phạm Bình	Thắng	14/07/1989	TP. HCM	0899	35	40.5	57.5	31.75	45	KHÔNG ĐẠT
199	Quảng Đại	Thắng	10/05/1998	TP. HCM	0900	43.75	80.5	61.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
200	Hồ Ngọc	Thanh	01/07/1978	Cần Thơ	0903	47.5	54.25	56.5	39.5		KHÔNG ĐẠT
201	La Thị Phương	Thanh	20/05/1982	TP. HCM	0904	43	54	60	40		KHÔNG ĐẠT
202	Nguyễn Hải	Thanh	04/07/1990	BR-VT	0907	37.75	64.5	59.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
203	Nguyễn Tuyết	Thanh	22/05/1997	Đồng Nai	0910	46.25	86.375	56.5	30.75		KHÔNG ĐẠT
204	Phan Thị Xiêm	Thanh	08/03/1984	Tp. HCM	0911	23	31.5	50	15.5	30.25	KHÔNG ĐẠT
205	Lê Tấn	Thành	27/09/1973	TP. HCM	0918	21.25	68.25	65.5	30.5		KHÔNG ĐẠT
206	Trương Công	Thành	11/01/1998	TP. HCM	0926	30.75	56	52.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
207	Lê Hồng	Thao	03/01/1970	Đồng Nai	0928	35	57	50	42		KHÔNG ĐẠT
208	Đoàn Ngọc Phương	Thảo	01/12/1999	TP. HCM	0929	44.5	60.5	62.5	40		KHÔNG ĐẠT
209	Lê Thị Phương	Thảo	05/07/1984	Tp. HCM	0931	44.5	65.75	65	34.5		KHÔNG ĐẠT
210	Trần Minh	Thảo	16/05/1999	TP. HCM	0943	43	64.25	62.5	47.75		KHÔNG ĐẠT
211	Trần Minh	Thảo	19/09/1998	Tp. HCM	0944	35.25	84.25	57.5	46.5		KHÔNG ĐẠT
212	Trương Thị Mai	Thảo	06/06/1990	Cần Thơ	0946	42.25	69.5	67.5	48.25		KHÔNG ĐẠT
213	Nguyễn Anh	Thi	19/06/1979	TP. HCM	0954	38.625	51.5	75	25.25		KHÔNG ĐẠT

ĐD Anh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
214	Ngô Mạnh	Thiêm	11/08/1997	Tp. HCM	0958	41.25	89.5	70	30.75		KHÔNG ĐẠT
215	Nguyễn Đại	Thiện	09/10/1991	Đà Nẵng	0962	39.75	51	70	50		ĐẠT
216	Nguyễn Minh	Thiện	03/11/1990	TP. HCM	0964	27	72	80	24.5		KHÔNG ĐẠT
217	Nguyễn Đức	Thịnh	16/09/1999	TP. HCM	0971	32	52	75	47.25		KHÔNG ĐẠT
218	Trần Quang	Thịnh	18/06/1997	Đà Nẵng	0974	45	43.75	70	42.25	45.25	KHÔNG ĐẠT
219	Lê Thị Hồng	Thơ	27/10/1998	TP. HCM	0977	45.5	57.5	62.5	42.75		KHÔNG ĐẠT
220	Nguyễn Thị	Thơm	25/04/1995	TP. HCM	0982	43.75	76.5	50	45.75		KHÔNG ĐẠT
221	Hồ Đức	Thông	21/10/1996	TP. HCM	0983	40.25	69.5	67.5	48		KHÔNG ĐẠT
222	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/12/1997	TP. HCM	0996	37.5	60.5	50	34.75		KHÔNG ĐẠT
223	Trương Anh	Thư	03/06/1998	TP. HCM	1003	38.25	60	72.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
224	Phạm Ngọc	Thuận	24/08/1974	Tp. HCM	1009	42.5	53	72.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
225	Nguyễn Thiện	Thức	07/05/1973	Cần Thơ	1012	50	38.5	62.5		39.75	KHÔNG ĐẠT
226	Võ Dương Trường	Thức	02/09/1999	Đồng Nai	1013	40	50	50	31.5		KHÔNG ĐẠT
227	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1990	TP. HCM	1016	33.25	50.25	75	28		KHÔNG ĐẠT
228	Phạm Thủy	Thương	26/05/1990	TP. HCM	1018	42	65	50	37.5		KHÔNG ĐẠT
229	Lê Cao	Thường	05/05/1985	Tp. HCM	1020	39	37.75	50	34	44.75	KHÔNG ĐẠT
230	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	20/04/1997	Tp. HCM	1022	53.5	43.75	52.5		34.75	KHÔNG ĐẠT
231	Trần Thị Thanh	Thúy	20/01/1988	Đồng Nai	1032	45	62.5	57.5	37.25		KHÔNG ĐẠT
232	Lại Thị	Thủy	25/12/1981	TP. HCM	1040	42	78	55	39.25		KHÔNG ĐẠT
233	Nguyễn Thị	Thủy	20/12/1973	Đồng Nai	1044	33	70	50	26.5		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
234	Nguyễn Thị	Thủy	19/11/1997	TP. HCM	1045	39.25	73	60	38		KHÔNG ĐẠT
235	Trần Thị Thanh	Thủy	14/03/2000	TP. HCM	1051	38.25	75.25	50	42		KHÔNG ĐẠT
236	Phan Thị Cẩm	Thuyền	25/02/1988	Tp. HCM	1052	33.5	76	55	28		KHÔNG ĐẠT
237	Lê Văn	Thuyết	19/09/1998	TP. HCM	1053	45	53.75	62.5	33.25		KHÔNG ĐẠT
238	Hoàng Thị Cẩm	Tiên	16/08/1998	TP. HCM	1058	41.75	57	55	27		KHÔNG ĐẠT
239	Nguyễn Hữu	Tín	03/03/1998	TP. HCM	1072	42.25	82	65	48		KHÔNG ĐẠT
240	Nguyễn Đình	Tĩnh	04/08/1995	TP. HCM	1075	39.125	73.5	75	42.75		KHÔNG ĐẠT
241	Trần Văn	To	12/09/1962	Trà Vinh	1076	24	42	65	27.75	35.25	KHÔNG ĐẠT
242	Trần Ngọc	Toàn	21/05/1986	Đồng Nai	1079	33.5	57.5	60	30.75		KHÔNG ĐẠT
243	Đỗ Thị Bích	Trâm	10/02/1997	TP. HCM	1082	43.25	65.5	55	42		KHÔNG ĐẠT
244	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	23/01/1995	TP. HCM	1085	41.5	78.75	86	50.75		ĐẠT
245	Nguyễn Ngọc Mai	Trâm	23/11/2000	TP. HCM	1086	45.5	55.75	72.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
246	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/03/1993	TP. HCM	1087	39	71.5	88.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
247	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	24/03/1992	Tp. HCM	1088	34	53.5	79.5	29		KHÔNG ĐẠT
248	Võ Thị Bích	Trâm	12/08/1997	Hậu Giang	1091	40.25	64	71.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
249	Lê Duy	Trân	09/08/1995	Bình Thuận	1096	42	64	61.5	44.75		KHÔNG ĐẠT
250	Mã Thái	Trân	01/01/1996	TP. HCM	1099	43.25	64	82	40.25		KHÔNG ĐẠT
251	Nguyễn Thị Kiều	Trang	03/10/1992	Tây Ninh	1111	45.25	66.5	60	40		KHÔNG ĐẠT
252	Nguyễn Thụy Quỳnh	Trang	07/05/1984	TP. HCM	1114	45.25	52	65	42.75		KHÔNG ĐẠT
253	Phùng Thị Hiền	Trang	24/02/1992	TP. HCM	1120	54.75	36.75	70		35.75	KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
254	Võ Quốc Cứu	Trạng	10/05/1998	Đồng Nai	1126	42	63.25	70	41		KHÔNG ĐẠT
255	Nguyễn Từ Trọng	Trí	08/08/1989	Tp. HCM	1128	29	34.75	52.5	20.75	33.375	KHÔNG ĐẠT
256	Phan Minh	Trí	24/02/1991	TP. HCM	1129	34.75	52	65	39.75		KHÔNG ĐẠT
257	Vũ Minh	Trí	08/02/1993	Tp. HCM	1130	42	74	67.5	29		KHÔNG ĐẠT
258	Nguyễn Quốc	Triều	15/10/1997	TP. HCM	1131	40	60.5	60	38.25		KHÔNG ĐẠT
259	Nguyễn Thị Kiều	Trình	28/05/1995	Đồng Tháp	1136	42	75.25	60	28		KHÔNG ĐẠT
260	Võ Huỳnh	Trình	18/09/1999	TP. HCM	1138	39.25	67	55	38.25		KHÔNG ĐẠT
261	Trần Văn	Trộn	08/06/1983	TP. HCM	1144	40.5	68.5	60	33.25		KHÔNG ĐẠT
262	Tạ Quang Thạch	Trúc	27/11/1989	Đắk Lắk	1153	40.5	54.5	50	35.75		KHÔNG ĐẠT
263	Huỳnh Hoài	Trung	04/06/1997	Đồng Tháp	1157	35.75	56.5	75	38.25		KHÔNG ĐẠT
264	Huỳnh Sơn	Trung	03/06/1976	Tp. HCM	1158	30.5	59.5	60	36.75		KHÔNG ĐẠT
265	Lê Minh	Trung	10/08/1989	Cần Thơ	1159	41.25	66.5	52.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
266	Nguyễn Thanh	Trung	08/02/1982	Tp. HCM	1162	50	47	70		52	ĐẠT
267	Võ Mai	Trung	29/10/1983	An Giang	1167	43.75	62.75	50	34.75		KHÔNG ĐẠT
268	Võ Văn	Trung	11/10/1976	TP. HCM	1168	29.75	61.25	50	33.5		KHÔNG ĐẠT
269	Nguyễn Thanh	Tú	10/04/1972	Cần Thơ	1172	31.25	61.75	50	29.75		KHÔNG ĐẠT
270	Trần Thanh Ngọc	Tú	02/01/1978	Cần Thơ	1173	52.5	38.5	62.5		50	ĐẠT
271	Nguyễn Thế	Tuân	15/05/1985	BR-VT	1174	31.75	50	55	32.75		KHÔNG ĐẠT
272	Huỳnh Anh	Tuấn	25/10/1987	TP. HCM	1183	39	58.75	60	40		KHÔNG ĐẠT
273	Nguyễn Hữu	Tuấn	04/10/1988	Đồng Nai	1187	38.25	65.25	67.5	38.75		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
274	Nguyễn Ngọc	Tuấn	20/01/1980	TP. HCM	1190	38.5	55.25	60	50		ĐẠT
275	Phan Thanh	Tuấn	05/10/1990	TP. HCM	1194	37.75	85.75	57.5	33.5		KHÔNG ĐẠT
276	Lê Văn	Tùng	09/03/1997	Đà Nẵng	1201	41	63	62.5	29.25		KHÔNG ĐẠT
277	Vũ Thanh	Tùng	05/06/1981	Đồng Nai	1205	40.25	70.5	62.5	32.75		KHÔNG ĐẠT
278	Bùi Linh	Túng	01/12/1998	Đồng Tháp	1206	38.75	72	57.5	47.75		KHÔNG ĐẠT
279	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/1979	TP. HCM	1208	22.25	50	57.5	15.5		KHÔNG ĐẠT
280	Nguyễn Huy	Tường	05/03/1974	Bình Phước	1210	34.5	56.75	52.5	23.25		KHÔNG ĐẠT
281	Phạm Thị Thanh	Tuyển	14/11/1997	TP. HCM	1214	38	74.5	62.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
282	Võ Duy	Tuyển	06/10/1974	BR-VT	1215	41.25	42	57.5	36.75	40	KHÔNG ĐẠT
283	Đặng Ngọc	Tuyển	03/05/1996	TP. HCM	1216	38.5	61	52.5	26		KHÔNG ĐẠT
284	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển	04/08/1992	Tp. HCM	1217	40.5	75.5	60	37.5		KHÔNG ĐẠT
285	Hoàng Phương	Uyên	19/11/1997	TP. HCM	1229	45.75	74.75	77.5	35.75		KHÔNG ĐẠT
286	Đinh Thị Thu	Vân	18/06/1993	Tp. HCM	1240	41	77	57.5	31.75		KHÔNG ĐẠT
287	Doãn Thị Thanh	Vân	23/08/1988	TP. HCM	1242	41.5	87.25	72.5	40		KHÔNG ĐẠT
288	Nguyễn Thị Hồng	Vân	23/08/1989	Tp. HCM	1246	42.75	67.5	50	50.5		ĐẠT
289	Nguyễn Thị Thùy	Vân	20/02/1981	Cà Mau	1248	51.25	38.5	50		39.5	KHÔNG ĐẠT
290	Phạm Công	Vân	18/09/1963	Lâm Đồng	1249	22.5	14	30	22.5	13.25	KHÔNG ĐẠT
291	Trần Thùy	Vân	15/09/1997	TP. HCM	1254	28.75	56	65	35.75		KHÔNG ĐẠT
292	Võ Thị	Vân	05/01/1975	Tp. HCM	1255	41.25	58	70	35.75		KHÔNG ĐẠT
293	Nguyễn Anh	Vân	02/04/1975	Đồng Nai	1257	37.25	66	60	44		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
294	Phạm Văn	Việt	05/09/2000	Đà Nẵng	1272	40	64	77.5	42.75		KHÔNG ĐẠT
295	Bùi Thế	Vinh	25/11/1994	TP. HCM	1276	35.5	57	62.5	50		ĐẠT
296	Lê Văn	Vinh	21/12/1984	TP. HCM	1279	40.75	63	52.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
297	Nguyễn Gia	Võ	18/02/1997	Tp. HCM	1285	41.5	58.5	60	19.75		KHÔNG ĐẠT
298	Nguyễn Minh	Vũ	21/07/1993	TP. HCM	1288	45	68.5	57.5	37.25		KHÔNG ĐẠT
299	Nguyễn Cao Trường	Vũ	19/09/1999	TP. HCM	1292	41.75	61	52.5	46.75		KHÔNG ĐẠT
300	Lê Thịnh	Vượng	30/03/1976	TP. HCM	1296	43	93.5	52.5	25.75		KHÔNG ĐẠT
301	Lê Hoàng Quỳnh	Vy	18/09/1985	TP. HCM	1299	39.25	77.75	52.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
302	Nguyễn Phạm Thanh	Xuân	03/01/1997	TP. HCM	1311	47	79	64	34		KHÔNG ĐẠT
303	Đinh Thị Như	Ý	15/03/1994	Quảng Nam	1314	43	51.75	57	40		KHÔNG ĐẠT
304	Lưu Khã	Ý	25/06/2000	TP. Huế	1316	41.25	42.625	50	35.75	39.375	KHÔNG ĐẠT
305	Nguyễn Diễm	Yến	19/11/1990	TP. HCM	1324	41.5	76.5	69	50		ĐẠT
306	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/01/1993	Cà Mau	1325	53.25	43.25	73		43.75	KHÔNG ĐẠT

ĐBAMB

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025

Phụ lục 2



KẾT QUẢ PHÚC TRA
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025
KHU VỰC PHÍA BẮC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 64/TB-HĐKT ngày 01 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1/2025)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
1	Nguyễn Thị	An	05/09/1999	Thái Nguyên	05	40.5	50.5	50	32.75		KHÔNG ĐẠT
2	Nguyễn Bá	An	06/12/1985	Bắc Ninh	06	55.5	47	50		50	ĐẠT
3	Lê Xuân	An	27/12/1994	Khánh Hòa	07	44.5	39.75	65	50	50	ĐẠT
4	Trương Quốc	Ẩn	07/10/1987	TP. Hà Nội	08	38.75	63.5	57.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
5	Hoàng Tú	Anh	06/12/1999	TP. Hà Nội	09	41.75	51.5	50	50		ĐẠT
6	Hoàng Ngọc	Anh	21/12/1989	TP. Hà Nội	10	43.5	60.5	50	48.25		KHÔNG ĐẠT
7	Nguyễn Đức	Anh	26/10/1978	TP. Hà Nội	13	35.75	60.25	52.5	34		KHÔNG ĐẠT
8	Nguyễn Hoàng	Anh	28/03/1998	TP. Hà Nội	17	28.5	55.75	55	34.25		KHÔNG ĐẠT
9	Phùng Tiến	Anh	04/08/1996	TP. Hà Nội	18	34.5	50.25	50	44.25		KHÔNG ĐẠT
10	Nguyễn Thị Lan	Anh	26/06/1997	TP. Hà Nội	19	47.25	69	55	45.5		KHÔNG ĐẠT
11	Phạm Duy	Anh	12/08/1997	TP. Hà Nội	21	45.75	59.5	50	40.5		KHÔNG ĐẠT
12	Nguyễn Phương	Anh	29/08/1996	TP. Hà Nội	22	45	64.25	57.5	50		ĐẠT

Đ. N. M.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
13	Vũ Hoàng	Anh	10/12/1998	TP. Hà Nội	26	39	56	70	40.5		KHÔNG ĐẠT
14	Lê Trần Văn	Anh	20/09/1999	TP. Hà Nội	28	44.25	55.25	60	49.25		KHÔNG ĐẠT
15	Nguyễn Minh	Anh	30/07/2000	TP. Hà Nội	32	43.75	67	60	39		KHÔNG ĐẠT
16	Dương Thị Hải	Anh	03/01/1994	TP. Hà Nội	35	39.25	62.5	70	40.25		KHÔNG ĐẠT
17	Ngô Phương	Anh	20/08/1999	TP. Hà Nội	37	41.25	62.75	60	41.25		KHÔNG ĐẠT
18	Tổng Tuấn	Anh	15/06/1976	TP. Hà Nội	47	37	50.5	50	50		ĐẠT
19	Lưu Việt	Anh	04/12/1997	TP. Hà Nội	49	45.75	66	55	36.75		KHÔNG ĐẠT
20	Lê Thị	Ánh	28/01/1998	TP. Hà Nội	57	42.75	64	62.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
21	Lê Thị Kim	Ánh	29/05/1997	TP. Hà Nội	59	60.5	45.25	67.5		48	KHÔNG ĐẠT
22	Lương Văn	Ban	01/10/1996	TP. Hà Nội	64	44.5	51	57.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
23	Thiếu Minh	Châu	18/02/1997	TP. Hà Nội	75	58.5	41.5	50		37.25	KHÔNG ĐẠT
24	Lê Quyết	Chiến	16/04/1996	TP. Hà Nội	82	36.75	72	50	37.5		KHÔNG ĐẠT
25	Hoàng Bá	Chú	06/09/1989	TP. Hà Nội	86	39	34.75	50	47.25	38	KHÔNG ĐẠT
26	Vũ Đặng Việt	Cường	14/12/1982	TP. Hà Nội	93	27.75	58	50	33		KHÔNG ĐẠT
27	Tăng Xuân	Cường	19/10/1972	TP. Hà Nội	94	40	31	55	47.75	39	KHÔNG ĐẠT
28	Phạm Huy	Cường	17/02/1980	TP. Hà Nội	95	38.25	50.75	55	35.25		KHÔNG ĐẠT
29	Phạm Huy	Cường	26/01/1993	TP. Hà Nội	96	45	72	60	38		KHÔNG ĐẠT
30	Nguyễn Tiến	Đạt	23/07/1996	TP. Hà Nội	105	40.5	63.25	50	48.75		KHÔNG ĐẠT
31	Lê Tuấn	Đạt	09/03/1983	TP. Hà Nội	108	51.75	43.75	52.5		39.75	KHÔNG ĐẠT

Đ. Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
32	Nguyễn Văn	Dự	10/01/1979	TP. Hà Nội	120	35.75	43.75	57.5	40	42	KHÔNG ĐẠT
33	Dương Đình	Đức	10/11/1992	TP. Hà Nội	124	28	75.75	50	28.25		KHÔNG ĐẠT
34	Lại Duy	Đức	01/09/1974	TP. Hà Nội	128	50	42	50		50	ĐẠT
35	Cao Minh	Đức	21/08/1996	Nghệ An	130	43.25	64	52.5	50		ĐẠT
36	Đặng Quốc	Đức	02/10/1996	Hà Tĩnh	132	42.75	58.25	53	46.5		KHÔNG ĐẠT
37	Đầu Anh	Dũng	24/08/1983	TP. Hà Nội	139	41.5	63.25	55	38.75		KHÔNG ĐẠT
38	Nguyễn Chí	Dũng	22/08/1990	TP. Hà Nội	140	31.5	52.75	51	33		KHÔNG ĐẠT
39	Nguyễn Phúc	Dũng	21/03/1998	TP. Hà Nội	143	46.25	58.25	57	50.5		ĐẠT
40	Nguyễn Minh	Dương	30/07/2000	TP. Hà Nội	146	39.5	59	56	50		ĐẠT
41	Dương Đức	Duy	26/01/1993	TP. Hà Nội	151	44.5	74.5	53	38		KHÔNG ĐẠT
42	Phan Thị	Giang	20/07/1999	TP. Hà Nội	160	31.75	66	50	28.5		KHÔNG ĐẠT
43	Nguyễn Thị Lam	Giang	03/02/1964	TP. Hà Nội	166	50.25	47.25	75		50	ĐẠT
44	Nguyễn Thị	Hà	05/07/1983	TP. Hà Nội	176	34	68.5	55	40		KHÔNG ĐẠT
45	Lê Việt	Hà	26/10/1994	TP. Hà Nội	177	38.25	74.5	50	41		KHÔNG ĐẠT
46	Đinh Ngọc Thu	Hà	29/03/1996	TP. Hà Nội	179	41.5	74	55	37.25		KHÔNG ĐẠT
47	Ngô Thu	Hà	09/11/1995	TP. Hà Nội	183	44.75	65	77.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
48	Lê Thị Nguyệt	Hà	01/09/1997	TP. Hà Nội	184	35	70.5	57.5	39.625		KHÔNG ĐẠT
49	Lò Thị Khánh	Hà	15/06/1982	Điện Biên	189	42	51.25	52.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
50	Trần Thị Ngọc	Hà	16/01/1961	TP. Hồ Chí Minh	190	39.5	57	57.5	50		ĐẠT



Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỳ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỳ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
51	Phan Văn	Hải	15/10/1999	TP. Hà Nội	195	44.5	68.25	67.5	50.75		ĐẠT
52	Chu Thị	Hằng	28/01/1998	TP. Hà Nội	202	37.5	67.5	70	32		KHÔNG ĐẠT
53	Vũ Minh	Hằng	29/09/1999	TP. Hà Nội	204	45	71.25	62.5	50		ĐẠT
54	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	05/09/1998	Thái Nguyên	205	40	64.75	77.5	44.25		KHÔNG ĐẠT
55	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	12/02/1992	TP. Hà Nội	209	60.5	38.75	70		40	KHÔNG ĐẠT
56	Trần Thị Phương	Hiền	31/08/1996	TP. Hà Nội	219	46	74	77	43.5		KHÔNG ĐẠT
57	Phạm Thu	Hiền	26/04/1997	TP. Hà Nội	220	35.75	67	61.5	38		KHÔNG ĐẠT
58	Trương Đức	Hiệp	03/05/1980	Nghệ An	226	47.25	56	81.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
59	Nguyễn Việt	Hiếu	21/09/1995	TP. Hà Nội	227	42.25	61.25	71.5	32.8125		KHÔNG ĐẠT
60	Nguyễn Trung	Hiếu	09/01/1990	TP. Hà Nội	230	59.25	43	54.5		48	KHÔNG ĐẠT
61	Cao Thành	Hiếu	10/07/1973	TP. Hà Nội	232	45.75	53.75	53.5	37.75		KHÔNG ĐẠT
62	Đào Minh	Hiếu	14/01/1998	TP. Hà Nội	235	43.75	72.5	57.5	40.25		KHÔNG ĐẠT
63	Phạm Trung	Hiếu	14/04/1999	TP. Hà Nội	236	34.5	56	50	30.25		KHÔNG ĐẠT
64	Nguyễn Thị	Hoa	16/05/1996	TP. Hà Nội	237	45.25	72.25	50	47.25		KHÔNG ĐẠT
65	Lê Thị	Hoa	28/07/1985	TP. Hà Nội	239	63.5	42.75	57.5		48	KHÔNG ĐẠT
66	Nguyễn Diệu	Hoa	25/06/1998	TP. Hà Nội	240	36.5	77	62.5	45		KHÔNG ĐẠT
67	Thân Thị	Hoa	11/10/1996	TP. Hà Nội	241	41.75	61.5	57.5	48.25		KHÔNG ĐẠT
68	Lê Thị Thủy	Hòa	05/04/1997	TP. Hà Nội	245	40.25	83	52.5	47.25		KHÔNG ĐẠT
69	Lê Xuân	Hòa	06/01/1988	TP. Hà Nội	246	44.25	56.75	60	40		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
70	Nguyễn Thị	Hoài	18/02/1998	TP. Hà Nội	248	36.5	63.5	50	50		ĐẠT
71	Đào Ngọc	Hoàng	19/12/1991	TP. Hà Nội	251	33	70	57.5	38		KHÔNG ĐẠT
72	Vũ Đình Minh	Hoàng	16/04/1995	TP. Hà Nội	252	45.5	60	50	43		KHÔNG ĐẠT
73	Nguyễn Văn	Hoàng	05/05/1998	TP. Hà Nội	254	42	41.25	50	35	44.25	KHÔNG ĐẠT
74	Nguyễn Vũ	Hoàng	04/06/1995	TP. Hà Nội	256	47.25	73.25	62.5	46		KHÔNG ĐẠT
75	Trần Mạnh	Hồng	08/10/1994	TP. Hà Nội	258	36	63.25	67.5	40		KHÔNG ĐẠT
76	Nguyễn Thị Minh	Hồng	16/03/1993	Thanh Hóa	259	41	44.5	57.5	43.75	40.5	KHÔNG ĐẠT
77	Trần Văn	Hùng	01/06/1996	TP. Hà Nội	262	46	58	51	49		KHÔNG ĐẠT
78	Nguyễn Văn	Hùng	05/02/1973	TP. Hà Nội	265	44.25	63	59	44.25		KHÔNG ĐẠT
79	Nguyễn Thị Lan	Hương	01/01/1978	TP. Hà Nội	273	26.5	41	60	34.875	45.5	KHÔNG ĐẠT
80	Dương Thị Thu	Hương	13/09/1999	TP. Hà Nội	275	41.75	71.25	50	48.5		KHÔNG ĐẠT
81	Phạm Diệu	Hương	17/02/1995	TP. Hà Nội	286	42.5	70.75	54	39		KHÔNG ĐẠT
82	Nguyễn Thu	Hương	20/11/1994	TP. Hà Nội	287	38.5	66.25	52.5	45		KHÔNG ĐẠT
83	Phạm Thị Thu	Hương	06/04/1992	Hải Dương	288	24.75	73	54.5	30		KHÔNG ĐẠT
84	Vàng Thị	Hương	23/08/1991	Sơn La	289	43.75	63.25	65.5	46.5		KHÔNG ĐẠT
85	Hoàng Thị	Hương	17/06/1993	TP. Hà Nội	292	47.75	68	59.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
86	Nguyễn Thị Thu	Hương	24/01/1999	TP. Hà Nội	293	48.25	67.5	50	45		KHÔNG ĐẠT
87	Nguyễn Thị Lan	Hương	17/07/1995	TP. Hà Nội	294	42	57	55.5	47.5		KHÔNG ĐẠT
88	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/03/1990	TP. Hà Nội	295	40.25	60.5	50	40		KHÔNG ĐẠT

T
S
ĐỒNG
T S
QUỐC
M

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
89	Phạm Quang	Huy	30/06/1994	TP. Hà Nội	298	40.75	70	50	46		KHÔNG ĐẠT
90	Nguyễn Trọng	Huy	30/08/1987	TP. Hà Nội	299	41	60.25	55	40.75		KHÔNG ĐẠT
91	Nguyễn Nhật	Huy	04/06/1998	TP. Hà Nội	301	40.75	43.5	60	33	35.5	KHÔNG ĐẠT
92	Nguyễn Quang	Huy	07/09/1996	TP. Hà Nội	303	38.75	70.75	55	41		KHÔNG ĐẠT
93	Nguyễn Quốc	Huy	07/06/1987	TP. Hà Nội	305	46.5	55.75	59	42		KHÔNG ĐẠT
94	Bùi Khắc	Huy	18/06/1999	Thái Nguyên	307	44.25	68.75	50.5	50.25		ĐẠT
95	Lê Thị Ngọc	Huyền	02/09/1999	TP. Hà Nội	314	41.25	63.75	53	48.75		KHÔNG ĐẠT
96	Đỗ Ngọc	Huyền	18/12/1996	TP. Hà Nội	316	45.5	62	59	45.5		KHÔNG ĐẠT
97	Ngô Thu	Huyền	20/05/1994	Quảng Ninh	321	39	64	52	42		KHÔNG ĐẠT
98	Lữ Thị	Huyền	26/07/1998	Thanh Hóa	323	40	53.5	46	38.5		KHÔNG ĐẠT
99	Hoàng Ngọc	Khải	31/08/1978	TP. Hà Nội	324	21.25	38.75	50	29	48	KHÔNG ĐẠT
100	Nguyễn	Khánh	01/01/1991	TP. Hà Nội	327	42.25	59	52	36		KHÔNG ĐẠT
101	Trần Đình	Khiêm	01/09/1999	TP. Hà Nội	331	47	75.5	55	51		ĐẠT
102	Bùi Văn	Khôi	27/09/1988	TP. Hà Nội	337	58.75	33.25	51		35	KHÔNG ĐẠT
103	Nguyễn Quốc	Kiên	17/09/1997	TP. Hà Nội	339	44.5	70.25	50	38.75		KHÔNG ĐẠT
104	Cao Trung	Kiên	06/08/1990	TP. Hà Nội	340	36.5	77.25	50	40		KHÔNG ĐẠT
105	Đinh Văn	Kiến	28/12/1991	TP. Hà Nội	341	39.75	52	50	51.75		ĐẠT
106	Nguyễn Thị	Lan	23/08/1992	TP. Hà Nội	347	44.25	67	57.5	44.75		KHÔNG ĐẠT
107	Nguyễn Thị Thanh	Lan	21/02/1998	Vĩnh Phúc	348	32.5	65	53.5	36		KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
108	Trần Thị	Lệ	10/08/1999	TP. Hà Nội	354	37.5	57.75	58	37.75		KHÔNG ĐẠT
109	Ngô Thị Khánh	Linh	26/06/1998	TP. Hà Nội	362	43	73.75	60	44.25		KHÔNG ĐẠT
110	Đào Văn	Linh	28/05/1992	TP. Hà Nội	366	39.5	47	57.5	47.75	44.25	KHÔNG ĐẠT
111	Lê Thị Hà	Linh	20/10/1993	TP. Hà Nội	368	33	68	67.5	31.75		KHÔNG ĐẠT
112	Vũ Tú	Linh	24/05/1994	TP. Hà Nội	369	44.25	61.75	57.5	44.25		KHÔNG ĐẠT
113	An Thùy	Linh	01/08/1999	TP. Hà Nội	370	39.75	69.25	70	44.25		KHÔNG ĐẠT
114	Lại Thị Diệu	Linh	07/09/1992	TP. Hà Nội	371	44	60	70	52.75		ĐẠT
115	Ngô Thị Thủy	Linh	15/06/1997	TP. Hà Nội	376	40.25	66.5	52.5	44		KHÔNG ĐẠT
116	Bùi Diệu	Linh	16/08/1999	TP. Hà Nội	377	45.25	67.5	67.5	50		ĐẠT
117	Phạm Lưu Hà	Linh	22/11/1999	TP. Hà Nội	378	38	67.75	57.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
118	Triệu Tú	Linh	09/10/1998	TP. Hà Nội	380	45.75	72	60	46.25		KHÔNG ĐẠT
119	Đinh Thị Thùy	Linh	18/10/1994	TP. Hà Nội	381	30.5	64.25	67.5	37.75		KHÔNG ĐẠT
120	Quách Hồng	Linh	17/06/1999	TP. Hà Nội	386	36	57	45	39.75		KHÔNG ĐẠT
121	Đỗ Thị Thùy	Linh	26/06/1993	TP. Hà Nội	387	44	78.75	52.5	39.75		KHÔNG ĐẠT
122	Ngô Thị Bích	Loan	05/02/1996	TP. Hà Nội	395	43	72.5	60	55.75		ĐẠT
123	Giáp Nguyễn	Lộc	03/05/1991	TP. Hà Nội	401	45.25	71	55	50		ĐẠT
124	Ngô Bá	Long	12/08/1982	TP. Hà Nội	405	48.25	50	50	46.5		KHÔNG ĐẠT
125	Nguyễn Văn	Lương	06/07/1996	TP. Hà Nội	410	41.75	75.75	55	43.25		KHÔNG ĐẠT
126	Trần Thị Thúy	Mai	01/10/1999	TP. Hà Nội	419	36.5	70.25	50	43		KHÔNG ĐẠT

ĐNB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
127	Đỗ Thị Chi	Mai	17/06/1999	TP. Hà Nội	423	34.25	80.75	67.5	37		KHÔNG ĐẠT
128	Khổng Quang	Minh	28/09/1999	TP. Hà Nội	432	46.5	67.5	62.5	47		KHÔNG ĐẠT
129	Nguyễn Thị Mộng	Mơ	07/10/1995	TP. Hà Nội	436	45.25	63.5	77	50		ĐẠT
130	Nguyễn Hà	My	28/06/2000	TP. Hà Nội	441	38	73.25	68	45		KHÔNG ĐẠT
131	Nguyễn Thái	Nam	05/06/1969	TP. Hà Nội	447	28.5	51	57	33.25		KHÔNG ĐẠT
132	Kiều Vũ Nhật	Nga	15/11/1992	TP. Hà Nội	448	48.75	82	73	51		ĐẠT
133	Nguyễn Thu	Nga	07/07/1991	Vĩnh Phúc	451	41.5	78.5	81.5	43.25		KHÔNG ĐẠT
134	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	14/09/1995	TP. Hà Nội	460	32.25	64.75	78.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
135	Đặng Bích	Ngọc	10/09/1994	TP. Hà Nội	471	46.25	58.5	60	47.75		KHÔNG ĐẠT
136	Trần Hữu	Nhân	18/10/1982	Bắc Giang	481	42.25	42.5	52.5	43	42.75	KHÔNG ĐẠT
137	Đậu Nguyễn Yến	Nhi	10/10/1998	TP. Hà Nội	483	41.25	68.25	65	41.75		KHÔNG ĐẠT
138	Nguyễn Yến	Nhi	07/09/1999	TP. Hà Nội	484	39	64.25	57.5	38.5		KHÔNG ĐẠT
139	Hoàng Phương	Nhi	26/05/1999	TP. Hà Nội	485	35	72.25	57.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
140	Vân Ngọc Quỳnh	Như	14/04/1999	TP. Hà Nội	486	44.75	76.5	67.5	50		ĐẠT
141	Bùi Thị	Nhung	25/04/1997	TP. Hà Nội	491	41.5	84.25	58.5	41.5		KHÔNG ĐẠT
142	Phạm Thị	Nhung	11/02/1996	TP. Hải Phòng	494	42.5	76.5	69	43.25		KHÔNG ĐẠT
143	Quảng Thị	Oanh	02/12/1998	Sơn La	504	43.75	68.25	59	41		KHÔNG ĐẠT
144	Ngô Văn	Phong	13/04/1981	TP. Hải Phòng	507	39	63.25	52	39.25		KHÔNG ĐẠT
145	Trần Văn	Phù	20/11/1991	TP. Hà Nội	508	39	66.5	55	50		ĐẠT

Đỗ Thị Chi

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỳ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỳ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
146	Nguyễn Hồng	Phúc	20/07/2000	TP. Hà Nội	509	35.75	79	61	39.375		KHÔNG ĐẠT
147	Phan Thị	Phương	09/03/1999	TP. Hà Nội	513	33.75	61.5	52.5	37		KHÔNG ĐẠT
148	Bùi Thị Mai	Phương	12/04/1997	TP. Hà Nội	520	33.75	74	52.5	40		KHÔNG ĐẠT
149	Lê Xuân	Phương	04/07/1997	TP. Hà Nội	524	40.25	71.5	57.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
150	Nguyễn Thu	Phương	03/10/1999	TP. Hà Nội	525	37.25	69.5	50	50		ĐẠT
151	Trần Thị Quế	Phương	26/07/1983	TP. Hà Nội	526	42.5	54.25	50	45.5		KHÔNG ĐẠT
152	Tô Cao	Phương	10/05/1999	TP. Hà Nội	527	31.25	79	57.5	37		KHÔNG ĐẠT
153	Phan Ngọc	Quân	16/05/1997	TP. Hà Nội	535	32	53.5	52.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
154	Lương Văn	Qui	02/04/1997	TP. Hà Nội	540	37.75	68.75	62.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
155	Phạm Văn	Quyển	14/02/1996	TP. Hà Nội	546	39.25	73.75	52.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
156	Nguyễn Bình Trúc	Quỳnh	13/01/1997	TP. Hà Nội	549	42.75	62.5	62.5	45.5		KHÔNG ĐẠT
157	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	16/12/1998	TP. Hà Nội	551	43.75	53.25	62.5	50		ĐẠT
158	Vì Công	Sang	28/03/1996	TP. Hà Nội	555	26.25	55	52.5	31		KHÔNG ĐẠT
159	Lê Nguyễn	Sinh	22/11/1994	TP. Hà Nội	558	37.75	55.5	57.5	43.75		KHÔNG ĐẠT
160	Hoàng Hồng	Sinh	06/11/1997	TP. Hà Nội	560	36	71.25	50	42.75		KHÔNG ĐẠT
161	Nguyễn Ngọc	Son	18/02/1994	TP. Hà Nội	563	44	60	62.5	48		KHÔNG ĐẠT
162	Hoàng Thanh	Tâm	24/03/1984	TP. Hà Nội	569	51	44	62.5		41.5	KHÔNG ĐẠT
163	Vũ Hồng	Thắm	25/11/1996	TP. Hà Nội	572	35.75	58.5	62.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
164	Thái Bá	Thắng	03/05/1996	TP. Hà Nội	575	30.25	57.25	50	35		KHÔNG ĐẠT



Đ. Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
165	Nguyễn Nam	Thắng	01/03/1972	TP. Hà Nội	576	28	68.5	70	26.75		KHÔNG ĐẠT
166	Nguyễn Thu	Thanh	13/11/1997	TP. Hà Nội	579	44.75	64.5	50	39		KHÔNG ĐẠT
167	Lê Phương	Thảo	17/08/1999	TP. Hà Nội	591	43	75	50	50		ĐẠT
168	Phạm Tiến	Thịnh	26/11/1988	TP. Hà Nội	594	42	68.75	50	42.75		KHÔNG ĐẠT
169	Ngô Sỹ	Thịnh	20/03/1988	TP. Hà Nội	595	43.75	60.75	50	37.25		KHÔNG ĐẠT
170	Phạm Thị	Thu	18/05/1994	TP. Hà Nội	601	34.5	71.5	57.5	42.25		KHÔNG ĐẠT
171	Nguyễn Hằng	Thu	27/04/1991	TP. Hà Nội	603	43.5	76.5	50	38.75		KHÔNG ĐẠT
172	Vũ Thị Trang	Thu	09/09/1995	TP. Hà Nội	604	28	54.25	50	30		KHÔNG ĐẠT
173	Lê Thị Hoài	Thu	06/02/1997	Quảng Bình	605	43	71	50	50		ĐẠT
174	Nguyễn Thị	Thu	14/06/1996	Nghệ An	606	44.75	43	62.5	43.5	50	KHÔNG ĐẠT
175	Đỗ Văn	Thuận	09/10/1987	TP. Hà Nội	609	37	57.25	50	39.25		KHÔNG ĐẠT
176	Lưu Hoài	Thương	01/10/1997	TP. Hà Nội	610	36.67	52.75	65	45		KHÔNG ĐẠT
177	Nguyễn Thị	Thương	17/10/1994	TP. Hà Nội	611	43	55.75	52.5	51.5		ĐẠT
178	Vũ Thị Hoài	Thương	03/11/1995	TP. Hà Nội	612	26.75	70.25	59	32		KHÔNG ĐẠT
179	Vũ Hoài	Thương	02/02/1999	TP. Hà Nội	613	45.75	66.25	62.5	40		KHÔNG ĐẠT
180	Vũ Quý	Thương	10/01/1977	Thái Bình	617	44.25	56	50	50		ĐẠT
181	Hồ Thị	Thúy	30/10/1998	TP. Hà Nội	619	45.25	69.25	50	40.75		KHÔNG ĐẠT
182	Phạm Ngọc	Thúy	10/05/1994	TP. Hà Nội	622	31.25	55	52.5	45		KHÔNG ĐẠT
183	Nguyễn Vinh	Thúy	23/07/1965	TP. Hà Nội	623	37.25	54.5	50	46.5		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Văn

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
184	Nguyễn Minh	Thủy	07/06/1996	TP. Hà Nội	625	43.25	65	60	43.25		KHÔNG ĐẠT
185	Nguyễn Thị Phương	Thủy	05/11/1994	Nghệ An	628	28.5	56	57.5	30		KHÔNG ĐẠT
186	Quảng Thị	Thủy	12/05/1992	TP. Hà Nội	630	53.5	38.5	50		38.75	KHÔNG ĐẠT
187	Nguyễn Thanh	Thủy	24/02/1978	TP. Hà Nội	633	42.25	51.25	55	47.5		KHÔNG ĐẠT
188	Nguyễn Văn	Tiến	26/06/1974	TP. Hà Nội	640	45.75	50	55	50		ĐẠT
189	Nguyễn Văn	Tiến	02/02/1993	TP. Hà Nội	643	26.25	37	50	30	35	KHÔNG ĐẠT
190	Phạm Đình	Toàn	19/11/1980	TP. Hà Nội	648	51	45	50		45.25	KHÔNG ĐẠT
191	Bùi Thị Thu	Trang	04/07/1999	TP. Hà Nội	653	40.75	59.75	50	50		ĐẠT
192	Đỗ Huyền	Trang	04/12/1997	TP. Hà Nội	655	42.5	73	60	39.5		KHÔNG ĐẠT
193	Phùng Thị Huyền	Trang	26/06/1999	TP. Hà Nội	661	43.25	69	55	46.25		KHÔNG ĐẠT
194	Hứa Huyền	Trang	09/06/1999	TP. Hà Nội	664	43	61.75	54	41.25		KHÔNG ĐẠT
195	Phan Thị	Trang	07/09/1992	TP. Hà Nội	666	37.75	64.5	60.5	37.75		KHÔNG ĐẠT
196	Cần Linh	Trang	04/09/1998	TP. Hà Nội	668	29.75	85.25	55	30.75		KHÔNG ĐẠT
197	Lại Thị Hồng	Trang	07/10/1992	TP. Hà Nội	670	33.25	54.75	51.5	40.75		KHÔNG ĐẠT
198	Hoàng Thị Hà	Trang	14/08/1997	TP. Hà Nội	671	42.5	50.25	54.5	45		KHÔNG ĐẠT
199	Phạm Minh	Trí	10/09/1999	TP. Hà Nội	676	44	78.25	57	43.5		KHÔNG ĐẠT
200	Bùi Thục	Trình	22/11/1997	TP. Hà Nội	678	30.75	72	51.5	33		KHÔNG ĐẠT
201	Nguyễn Đức	Trung	01/02/1996	TP. Hà Nội	680	28.75	60.25	58	31		KHÔNG ĐẠT
202	Quách Văn	Trung	07/12/1997	TP. Hà Nội	681	25.75	57.5	55.5	30.5		KHÔNG ĐẠT

Đ. Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
203	Nguyễn Xuân	Trường	25/08/1996	TP. Hà Nội	684	42.5	75	54	47.5		KHÔNG ĐẠT
204	Nguyễn Ngọc	Tú	02/04/1985	TP. Hà Nội	691	34	59.5	52.5	41.25		KHÔNG ĐẠT
205	Nguyễn Minh	Tuân	05/10/2000	TP. Hà Nội	693	47.25	71.75	50	48.25		KHÔNG ĐẠT
206	Phạm Quốc	Tuân	21/05/1972	Hưng Yên	699	50.5	37.5	60		50	ĐẠT
207	Lê Anh	Tuân	14/01/1977	Hà Giang	701	36.75	61	57.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
208	Nguyễn Xuân	Tùng	05/06/1993	TP. Hà Nội	707	47.5	44.5	50	42.5	45	KHÔNG ĐẠT
209	Nguyễn Văn	Tuyến	10/02/1972	TP. Hà Nội	711	29	57.75	57.5	34		KHÔNG ĐẠT
210	Bùi Thị Ánh	Vân	18/02/1995	TP. Hà Nội	718	37.5	71.5	62.5	45.75		KHÔNG ĐẠT
211	Tạ Bích	Vân	20/05/1977	TP. Hà Nội	720	39.25	71.5	67.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
212	Hoàng Thị Khánh	Vân	21/02/1998	Quảng Bình	721	43.5	82.75	57.5	50		ĐẠT
213	Vũ Quốc	Việt	09/03/1999	TP. Hà Nội	726	41	61.25	67.5	40.25		KHÔNG ĐẠT
214	Nguyễn Thị	Xuyến	07/06/1998	TP. Hà Nội	730	42.5	54.75	57.5	50.5		ĐẠT
215	Phạm Thị Hải	Yến	30/11/1990	TP. Hà Nội	731	43.5	54.75	67.5	42.25		KHÔNG ĐẠT
216	Vũ Hoàng	Yến	02/03/1998	TP. Hà Nội	732	35.75	69	60	41.375		KHÔNG ĐẠT
217	Phạm Thị Hải	Yến	10/08/1996	TP. Hà Nội	733	41	64.25	50	50		ĐẠT

Đ. Minh